

Bản án số: **68/2020/HS-PT**
Ngày: 18-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Phong

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Tấn P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

+ *Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1992 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Tấn H (đã chết); Con bà Trần Thị N, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ là chị Trịnh Thu H, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam để điều tra ở vụ án khác từ ngày 10/10/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác, nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2014, Nguyễn Quốc H mua của 01 người không rõ nhân thân, lai lịch tại huyện B, tỉnh Bình Phước 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota Camry, màu sơn trắng, biển kiểm soát (BKS): 51A-416.37. Khi mua, H biết xe ô tô nói trên không có giấy tờ hợp pháp (xe bị đục số khung, số máy, giấy tờ giả) nhưng do ham rẻ nên mua về sử dụng. Đến năm 2015, do nợ tiền của nhiều người nên H nảy sinh ý định làm giả giấy tờ chiếc xe ô tô nói trên để bán thu hồi vốn. Do vậy, H đã thuê 01 người không rõ nhân thân, lai lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) làm giả 01 hợp đồng ủy quyền. Sau đó, H nhờ Nguyễn Tấn P và Nguyễn Văn T ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng ủy quyền giả (Giả tên Văn phòng công chứng S, số

công chứng 032405 ngày 26/01/2015, bên ủy quyền tên giả là Đỗ Gia A và Võ Thị L, bên được ủy quyền giả là Cao Minh H2).

Sau khi làm xong Hợp đồng ủy quyền giả, vào khoảng tháng 9/2015, H nhờ Nguyễn Văn K tìm người cầm chiếc xe ô tô trên với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). K hỏi Nguyễn Thị O xem có ai cầm xe ô tô không, do quen biết nên O hỏi Lê Thị T2 thì T2 trả lời là nếu xe ô tô có nguồn gốc hợp pháp thì T2 đồng ý cầm. O kiểm tra thấy số khung, số máy của xe ô tô BKS 51A-416.37 trùng khớp với Giấy chứng nhận đăng ký xe nên báo lại cho T2 thì T2 đồng ý. Do không có giấy phép cầm đồ nên T và O thống nhất với nhau là sẽ làm hợp đồng mua bán xe và thỏa thuận nếu trong thời gian 02 tháng nếu người cầm xe ô tô không chuộc lại thì T2 sẽ làm thủ tục sang tên đổi chủ, O báo lại cho H biết thì H đồng ý.

Ngày 21/9/2015, H nhờ Nguyễn Tấn P chở Nguyễn Văn T đi chụp ảnh và dán ảnh của T thay ảnh của Cao Minh H2 trong Giấy chứng minh nhân dân mang tên Cao Minh H2 mà H nhặt được trước đó thành Giấy chứng minh nhân dân giả. H dặn T khi ký giấy tờ mua bán xe thì sử dụng tên là Cao Minh H2 để phù hợp với hồ sơ của chiếc xe ô tô. Sau đó, Nguyễn Tấn P chở Nguyễn Văn T đến Văn phòng công chứng P tại thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước gặp Lê Quang Bá D (là con trai T2) để công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô. Khi làm hợp đồng công chứng, Nguyễn Văn T giới thiệu tên của mình là Cao Minh H2 (tên của người nhận ủy quyền trong hợp đồng ủy quyền mà T, H, P làm giả trước đó) và là chủ sở hữu chiếc xe ô tô BKS 51A-416.37, đồng thời đưa ra bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến xe ô tô để ký hợp đồng bán xe. T ký, viết tên của mình là Cao Minh H2 và lấn dấu vân tay của mình vào hợp đồng mua bán xe ô tô được Văn phòng công chứng P lập. Sau đó, H, T, P, O, K, D đến quán ăn “Như Ý” tại thị trấn P, huyện Đ. Tại đây, D đưa cho O số tiền 500.000.000 đồng (số tiền này do T2 đưa cho D), O đưa cho T 450.000.000 đồng (O giữ lại 50.000.000 đồng tiền lãi suất cầm xe ô tô trong 02 tháng). T, H và P đếm đủ số tiền 450.000.000 đồng, H cho K 10.000.000 đồng. O cầm số tiền 50.000.000 đồng đưa cho D để đem về cho T2. D đem xe ô tô về gửi tại nhà O. Hết thời hạn đã thỏa thuận như trong hợp đồng nhưng T không đến chuộc lại xe ô tô nên T2 và D đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an TPHCM làm thủ tục sang tên chủ sở hữu thì được biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 51A-416.37 không đúng trong dữ liệu đăng ký xe. Nghi ngờ mình bị lừa đảo nên anh D làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước.

Tại bản Kết luận giám định số 341/2017/GĐ-KTHS ngày 09/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự (KTHS) Công an tỉnh Bình Phước kết luận đối với 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Camry, màu sơn trắng, BKS: 51A-416.37; số khung: Hàn thanh kim loại có dãy chữ, số tự đục vào; số máy: Mài mòn đục mới.

Tại bản Kết luận giám định số 25/2018/GĐ-KTHS ngày 30/01/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Dấu vết đường vân cần giám định của người có tên Cao Minh H2 trong hợp đồng mua bán xe ngày 21/9/2015, số công chứng 003282, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD với lần lượt dấu vân tay ngón “Trỏ trái”, “Trỏ phải” in trên biên bản thu mẫu vân tay của Nguyễn Văn T,

sinh năm 1988, HKTT: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Bình Dương do Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Bình Phước cung cấp là của cùng một người in ra.

Tại bản Kết luận giám định số 321/2018/GĐ-KTHS ngày 23/10/2018, của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H2 trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng S; địa chỉ trụ sở: 277 Minh Phụng, phường 2, quận 11, TPHCM do Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Phước cung cấp với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu vân tay lúc 16h00 ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, HKTT: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Đỗ Gia A trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng S; địa chỉ trụ sở: 277 Minh Phụng, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước (PC01) cung cấp với dấu vân tay in trên bản sao tờ khai chứng minh nhân dân số 285563137 ghi tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 29/3/1978, HKTT: khu phố B, Phường B, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cung cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Võ Thị L trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng S; địa chỉ trụ sở: 277 Minh Phụng, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước (PC01) cung cấp với dấu vân tay in trên bản sao tờ khai chứng minh nhân dân số 285666347 ghi tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24/10/1992 HKTT: khu phố B, phường B, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cung cấp là do cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H2 trong giấy cam kết nhận tiền năm 2015 với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu dấu vân tay lúc 16 giờ 00 ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, HKTT: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H2 trong giấy cam kết nhận tiền năm 2015 phía sau có chữ ký, chữ viết ghi tên Cao Minh H2 “Tôi tên Cao Minh H2 đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ “năm trăm triệu chẵn” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị O với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu vân tay lúc 16 giờ ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, HKTT: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

Tại bản Kết luận giám định số 321/2018/GĐKTHS ngày 12/11/2018 của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Chữ ký mang tên THUỶNG TÁ Nguyễn Hoàng D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của THUỶNG TÁ Nguyễn Hoàng D - Phó Trưởng phòng CSGTĐB - ĐS Công an TPHCM trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình tròn nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG S* S.Đ.K.H Đ 41020032 - T.P* QUẬN 11- TP.HỒ CHÍ MINH*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ viết tay ghi “tôi đã đọc ...rõ và đồng ý” ở mặt trước và “Tôi Tên Cao Minh H2 đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ. Năm trăm triệu chẵn” trên mặt sau của tài liệu cần giám định ký hiệu A3; “Tôi đã đọc hiểu rõ và đồng ý” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết của Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 56, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2020 bị cáo Nguyễn Tấn P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Tấn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xét xử, bị cáo kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn P được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 BLTTHS nên hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn P thừa nhận hành vi phạm tội mà Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định.

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn P đã có hành vi làm giả hợp đồng ủy quyền và chứng minh nhân dân, sau đó sử dụng các tài liệu, giấy tờ giả hợp thức hóa xe ô tô BKS 51A-416.37 nhằm qua mặt nhân viên Văn phòng công chứng P để được chứng thực hợp đồng mua bán xe ô tô, lừa dối bà Lê Thị T2 và anh Lê Quang Bá D để chiếm đoạt số tiền 450.000.000. Xét lời nhận tội của bị cáo P phù hợp với lời khai của các bị cáo H và T; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án, các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo P phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (BLHS) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn P:

Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS cho bị cáo; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trong vụ án này, bị cáo P có vai trò là đồng phạm giúp sức, tương tự như bị cáo T. Xét tính chất, vai trò và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo P đã thực hiện là thấp hơn so với bị cáo T. Bị cáo P trước đó không biết được nguồn gốc và tình trạng pháp lý của chiếc xe ô tô BKS 51A-416.37, nhưng xuất phát từ quan hệ anh em ruột với bị cáo H, nên khi được bị cáo H nhờ làm giả tài liệu thì bị cáo cũng vẫn đồng ý, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức hình phạt bằng với bị cáo T là chưa hợp lý. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bị cáo giao nộp bổ sung tài liệu chứng minh bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo là một trong những lao động chính của gia đình. Người thân gia đình bị cáo có ông bà ngoại là cụ Trần Văn E và Nguyễn Thị L là người có công với cách mạng; mẹ ruột của bị cáo có thành tích trong các hoạt động xã hội. Căn cứ vào vai trò đồng phạm của bị cáo P, cũng như những tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm nhận thấy có căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, do đó yêu cầu kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo P được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa một phần có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn P.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 56, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Tấn P không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện Đ; (2)
- Chi cục THADS huyện Đ; (1)
- Công an huyện Đ; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam Công an tỉnh (1);
- Bị cáo; (2)
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh